

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST

Ngày: 30-7-2020.

“V/v Tranh chấp Hui”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.
2. Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp Hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim Đ**, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Thanh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân T, xã Thanh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2020 và tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ trình bày:

Năm 2009 và năm 2010 ông Võ Văn T có tham gia 02 dây hui do bà Đ làm chủ hui, cụ thể như sau: Dây thứ nhất: Hui 1.000.000 đồng, mở ngày 20/05/2009 (03 tháng khui một lần), hui có 34 phần, ông T tham gia 01 phần, đến ngày 20/11/2009 ông T bỏ lãi hót hui và đóng hui chết được 17 kỳ thì ngưng cho đến nay, hui mãi ngày 20/08/2017, ông T còn nợ lại hui chết là 17 kỳ chưa đóng với số tiền là 17.000.000 đồng. Dây thứ hai: Hui 3.000.000 đồng, mở ngày 30/04/2010 (06 tháng khui một lần), hui có 25 phần, ông T tham gia 01 phần, ông T hót hui kỳ thứ nhất, sau khi hót ông T đóng hui chết được 8 kỳ thì hui ngưng hoạt động do các hui viên hót hui không đóng hui chết lại, ông T cũng

ngưng đóng hui cho đến nay và còn nợ lại tiền hui chết là 16.660.000 đồng, nhưng ở đây hui này ông T chia đôi với hui viên nên ông T có nghĩa vụ phải trả số tiền 8.330.000 đồng, ông T đã trả được 1.750.000 đồng và còn nợ lại 6.580.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ của hai dây hui là 23.580.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà số tiền hui còn nợ 38.386.050 đồng (Trong đó, vốn 23.580.000 đồng và lãi 14.806.050 đồng, tính đến ngày 15/05/2020).

Tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ, ông có tham gia 02 dây hui như bà Đ trình bày là đúng, hiện dây hui 1.000.000 đồng ông còn nợ lại 17 kỳ hui chết chưa đóng với số tiền là 17.000.000 đồng và dây hui 3.000.000 đồng ông còn nợ lại số tiền 6.580.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ yêu cầu ông trả số tiền còn nợ 38.386.050 đồng (Trong đó, vốn 23.580.000 đồng và lãi 14.806.050 đồng), ông đồng ý trả số tiền nêu trên, nhưng do hiện nay gia đình ông gặp khó khăn nên xin trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông Võ Văn T trả cho nguyên đơn số tiền hui của hai dây hui nêu trên và lãi suất theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại ấp Tân T, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

[2.1] Xét đối với các dây hui, hui 1.000.000 đồng, mở ngày 20/05/2009 và dây hui 3.000.000 đồng, mở ngày 30/04/2010, nguyên đơn bà Đ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 23.580.000 đồng, bị đơn ông T thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý trả số tiền nêu trên. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc tình tiết sự kiện không phải chứng minh, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc bị đơn ông T trả cho bà Đ số tiền của hai dây hui trên là 23.580.000 đồng.

[2.2] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, yêu cầu tính lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày 15/05/2020, mức lãi suất 0,75%/tháng trên số tiền hui 23.580.000 đồng, bằng số tiền lãi là 14.806.050 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn, bị đơn đồng ý thống nhất số tiền lãi nêu trên là phù hợp với mức lãi suất pháp

luật quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền lãi 14.806.050 đồng.

[2.3] Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu bị đơn trả một lần đối với số nợ. Ông T chỉ đồng ý trả mỗi tháng 500.000 đồng đến khi dứt nợ, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Võ Văn T trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ tiền nợ hui 38.386.050 đồng (Trong đó, vốn 23.580.000 đồng và lãi 14.806.050 đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông T phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho ông Võ Văn T. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 479, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 10 và Điều 30 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biếu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ về việc yêu cầu bị đơn ông Võ Văn T trả số tiền hui còn nợ.

Buộc bị đơn ông Võ Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ số tiền hui còn nợ 38.386.050 đồng (bằng chữ: Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn không trăm năm chục đồng, trong đó, vốn 23.580.000 đồng và lãi 14.806.050 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Văn T được miễn nộp toàn bộ. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 959.000 đồng (chín trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003175 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- CCTHADS huyện Thanh Trì;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp